

Số: 17/2017/QĐST-HNGĐ

C, ngày 06 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1986.

Nơi đăng ký HKTT: ấp HP, xã NLP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp QNA, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn R, sinh năm: 1982.

Cư trú tại: ấp HP, xã NLP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, các điểm a, b khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Đơn yêu cầu của hai bên đương sự đề ngày 27 tháng 10 năm 2017 đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án trước thời hạn theo quy định pháp luật với lý do cả hai đều đi làm thuê ở xa, việc đi lại ra Tòa phần nào ảnh hưởng đến công việc hiện tại và hai bên đã thỏa thuận được với nhau về tất cả vấn đề có tranh chấp;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T với anh Trương Văn R.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Trương Hoài N, sinh ngày 18/10/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu N là muốn được sống với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R tự nguyện thỏa thuận anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Trương Hoài N, sinh ngày 18/10/2010 mỗi tháng 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:*

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn rút phần yêu cầu đòi cha chồng là ông Trương Văn S trả lại tài sản là 05 (Năm) chỉ vàng 24K để chị và anh Trương Văn R chia tài sản chung khi ly hôn, do ông S đã giao lại số vàng cho anh R quản lý. Anh R thống nhất việc chị T rút phần yêu cầu đối với ông S, nên Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu đòi lại tài sản của chị T đối với ông S.

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R thống nhất xác định tài sản chung của anh chị có:

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Air Blade, biển số kiểm soát 84L1-073.44, do anh Trương Văn R đứng tên giấy đăng ký xe và đang quản lý, sử dụng (Anh chị thống nhất xác định giá trị xe tại thời điểm hiện nay là 20.000.000 đồng);

+ 05 (Năm) chỉ vàng 24K do anh Trương Văn R đang quản lý.

Chị T và anh R tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản là: Anh R được hưởng xe mô tô hiệu Air Blade, biển số kiểm soát 84L1-073.44 và 2,5 chỉ (Hai chỉ rưỡi) vàng 24K; Anh R tự nguyện giao lại cho chị T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô bằng số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) và 2,5 chỉ (Hai chỉ rưỡi) vàng 24K. Chị T thống nhất nhận số tiền và vàng do anh R giao lại.

Về thời gian giao nhận tiền, vàng: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R tự nguyện thỏa thuận thời gian giao nhận 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) và 2,5 chỉ (Hai chỉ rưỡi) vàng 24K do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Văn R thống nhất xác định không nợ ai cũng không ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 469.000 đ (Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 769.000 đ (Bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tại các biên lai thu tiền số AA/2015/0012602 và AA/2015/0012603 cùng ngày 19/10/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Trương Văn R có nghĩa vụ nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, 469.000 đ (Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

(Phụ chú: Tính giá vàng 24K tại thời điểm ngày 27/10/2017 là 3.500.000đ/chỉ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng trên một chỉ)).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã NLP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo